

Số: 03/TB-HBSVMB

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Kết quả xét chọn học bổng Vallet dành cho sinh viên đại học miền Bắc năm 2026

Ban Điều hành Học bổng Vallet dành cho sinh viên miền Bắc trân trọng thông báo kết quả xét chọn học bổng Vallet năm 2026 đối với sinh viên của các trường đại học, học viện khối Khoa học tự nhiên, Công nghệ, Khoa học sự sống, Khoa học Y Dược, Khoa học Môi trường và Trái Đất khu vực miền Bắc như sau:

1. Số lượng học bổng sinh viên đại học: 126 suất dành cho sinh viên đại học. Danh sách sinh viên được nhận học bổng được ban hành kèm theo Thông báo này.

2. Số đơn vị tham gia: 15 trường đại học và học viện

3. Trị giá học bổng: Mỗi suất học bổng trị giá 34.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi bốn triệu đồng chẵn*).

4. Công bố kết quả: Danh sách kèm theo Thông báo này là kết quả xét chọn chính thức. Danh sách sinh viên/học viên của từng đơn vị đã được Ban Điều hành gửi tới Lãnh đạo của đơn vị bằng văn bản chính thức qua thư điện tử.

5. Thời gian trao học bổng: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút, Chủ nhật, ngày 23 tháng 8 năm 2026. Yêu cầu sinh viên có mặt trước thời điểm trên 15 phút.

6. Địa điểm trao học bổng: Hội trường Nhà Thái Học, Văn Miếu – Quốc Tử Giám, số 58 phố Quốc Tử Giám, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội.

Ban Điều hành trân trọng cảm ơn Lãnh đạo/Thủ trưởng các đơn vị đã tích cực chỉ đạo, phối hợp trong quá trình đề cử, xác minh và hoàn thiện hồ sơ của các ứng viên.

Mọi thông tin thắc mắc, vui lòng liên hệ Ban Thư ký qua địa chỉ thư điện tử: office@rencontresduvietnam.org

Ban Điều hành trân trọng thông báo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.

TRƯỞNG BAN ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Văn Phụng

PHỤ LỤC

DANH SÁCH SINH VIÊN KHU VỰC MIỀN BẮC ĐƯỢC NHẬN HỌC BỔNG VALLET NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 03/TB-HBSVMB ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Ban Điều hành Học bổng Vallet danh cho sinh viên miền Bắc)

STT	Họ và Tên	Trường Đại học/Học viện	Ngành học/Lớp học
1	Lê Hoàng Phúc	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	Lớp QH-2022-I/CQ-P-EP, Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano
2	Lê Minh Quý	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	Lớp QH-2022-I/CQ-I-CS3, Khoa Công nghệ Thông tin
3	Nguyễn Bá Thịnh	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	Lớp: QH-2022-I/CQ-I-CS1, Khoa Công Nghệ Thông Tin
4	Nguyễn Hà Linh	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	Lớp K67I-IS, Khoa Công nghệ thông tin
5	Nguyễn Hải An	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	Lớp K68I-IT1, Khoa Công Nghệ Thông Tin
6	Nguyễn Hải Đăng	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	Lớp QH-2022-I/CQ-P-EP, Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ Nano,
7	Nguyễn Tiến Phúc	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	Lớp QH-2023-I/CQ-I-CS1, Khoa Công nghệ thông tin
8	Phạm Tuấn Anh	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	Lớp K68-IT1, Khoa Công nghệ thông tin
9	Phạm Tuấn Anh	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	Lớp QH-2023-I/CQ-P-EP, Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano
10	Trần Thị Phương Thảo	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	Lớp QH-2022-I/CQ-S-AE, Viện Công nghệ Hàng không Vũ trụ
11	Phạm Thị Huyền	Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN	Lớp QH.2021.YA, Khoa Y khoa
12	Khuong Vũ Phương Anh	Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN	Lớp QH.2021.YA, Khoa Y khoa
13	Đinh Thị Thu Thảo	Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN	Lớp QH.2021.YB, Khoa Y khoa
14	Nguyễn Minh Quân	Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN	Lớp QH.2021.R, Khoa Y khoa
15	Nguyễn Khắc Dương	Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN	Lớp QH.2023.YB, Khoa Y khoa
16	Nguyễn Khánh Hùng	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Lớp K68 Tài năng Hóa học, Khoa Hóa Học
17	Đào Hải Hưng	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	K67 Tài năng Sinh học, Khoa Sinh học
18	Hoàng Kim Giáp	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Lớp K67A5 Khoa học dữ liệu, Khoa Toán - Cơ - Tin học.
19	Nguyễn Hoàng Minh Ánh	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	K68 Khoa học Môi trường CLC, Khoa Môi trường
20	Giang Tuấn Kiệt	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	K67 Vật lý chuẩn, Khoa Vật lý

STT	Họ và Tên	Trường Đại học/Học viện	Ngành học/Lớp học
21	Hoàng Trung Kiên	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	K67 Tài năng Hóa học, Khoa Hóa học
22	Nguyễn Phương Nhi	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	K67 Sinh học, Khoa Sinh học
23	Phạm Tuấn Hoàng	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Lớp K67A5 Khoa học dữ liệu, Khoa Toán - Cơ - Tin học
24	Nguyễn Hoàng Tài Duy	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	Lớp K68 Vật lý học, Khoa Vật lý
25	Trần Thị Hoa	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	K67 Công nghệ kỹ thuật hạt nhân, Khoa Vật lý
26	Trần Vương Hoàng	Đại học Bách khoa Hà Nội	CTTN-Khoa học máy tính-K67
27	Nguyễn Duy Thái	Đại học Bách khoa Hà Nội	CTTT KT Điều khiển-Tự động hóa 02-K68
28	Nguyễn Hoàng Việt	Đại học Bách khoa Hà Nội	CTTN-Khoa học máy tính-K67
29	Nguyễn Tấn Dũng	Đại học Bách khoa Hà Nội	CTTN-Khoa học máy tính-K68
30	Trương Minh Phúc	Đại học Bách khoa Hà Nội	CTTT Data Science & AI 03-K68
31	Chu Anh Đức	Đại học Bách khoa Hà Nội	CTTT Data Science & AI 03-K68
32	Nguyễn Hà Anh	Đại học Bách khoa Hà Nội	CTTT TTS & KT đa phương tiện 02-K67
33	Đinh Nguyễn Sơn	Đại học Bách khoa Hà Nội	ICT 01-K67
34	Đặng Hồng Anh	Đại học Bách khoa Hà Nội	KT Điều khiển-Tự động hóa 13-K67
35	Lê Trí Dũng	Đại học Bách khoa Hà Nội	CTTT Vật liệu 01-K67
36	Lê Nguyễn Ngọc Vũ	Đại học Bách khoa Hà Nội	Cơ điện tử 06-K67
37	Phạm Quốc Anh	Đại học Bách khoa Hà Nội	KT Điều khiển-Tự động hóa 11-K68
38	Nguyễn Đức Mạnh	Đại học Bách khoa Hà Nội	Toán-Tin 03-K67
39	Mai Lê Phú Quang	Đại học Bách khoa Hà Nội	CTTN-Khoa học máy tính-K68
40	Đinh Ngọc Quân	Đại học Bách khoa Hà Nội	KT Điều khiển-Tự động hóa 13-K67
41	Chu Thị Thúy Nga	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Điều dưỡng K20C
42	Trần My My	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	YHCT K6
43	Ngô Thị Thu Huyền	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	YHDP K14
44	Lê Văn Trường	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Y khoa K45D

STT	Họ và Tên	Trường Đại học/Học viện	Ngành học/Lớp học
45	Nguyễn Đình Tùng Linh	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	RHM K12
46	Lê Hoàng Phúc	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	Lớp K51G/Y Khoa
47	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	Lớp K52C/Y đa khoa
48	Nguyễn Thị Hương Thùy	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	Lớp CNĐDK18B
49	Nguyễn Thị Thư	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	Lớp K52C/ Ngành Y đa khoa
50	Phạm Quang Anh	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	Lớp Y4F-K52/Y Khoa
51	Thiều Khánh Linh	Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	Lớp Y.K56G/ Khoa Y Khoa
52	Ngô Đình Ánh Quỳnh	Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	Lớp Y.K56D/ Khoa Y Khoa
53	Nguyễn Trung Thành	Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	Lớp Y.K54H/ Khoa Y Khoa
54	Nguyễn Thanh Ngọc Linh	Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	Lớp Y.K55G/ Khoa Y khoa
55	Nguyễn Thị Mai Oanh	Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	Lớp Y.K55G/ Khoa Y khoa
56	Đỗ Đức Huy	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH)	Công nghệ thông tin - Truyền thông (Song bằng)
57	Đỗ Tuấn Việt	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH)	Công nghệ vi mạch bán dẫn
58	Hoàng Đức Minh	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH)	Kỹ thuật Hàng không
59	Hoàng Tiến Anh	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH)	Công nghệ Sinh học - Phát triển thuốc
60	Hứa Ngô Đại Dương	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH)	Khoa học dữ liệu
61	Lê Việt Hoàng	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH)	Khoa học vật liệu tiên tiến và Công nghệ nano
62	Nguyễn Đình Kỳ Vũ	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH)	Khoa học và Công nghệ Y khoa
63	Nguyễn Đỗ Trung Anh	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH)	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử
64	Nguyễn Thu Hoài	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH)	Khoa học Vũ trụ và Công nghệ Vệ tinh
65	Nguyễn Trương Thịnh	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH)	Dược học
66	Nguyễn Việt Anh	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH)	Khoa học và Công nghệ thực phẩm
67	Phạm Gia Anh	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH)	Kỹ thuật ô tô
68	Trần Anh Duy	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH)	Toán ứng dụng

STT	Họ và Tên	Trường Đại học/Học viện	Ngành học/Lớp học
69	Trần Minh Dương	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH)	Công nghệ vi mạch bán dẫn
70	Vũ Minh Quân	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH)	Công nghệ thông tin - Truyền thông
71	Nguyễn Nguyên Hải	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Lớp K74CLC, Khoa Học học
72	Nguyễn Nguyệt Anh	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Lớp K74, Khoa Hóa học,
73	Lê Minh Phúc	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Lớp K74CLC, Khoa Vật Lí
74	Lê Nguyễn Mai Linh	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Lớp K74, Khoa Vật Lí
75	Nguyễn Thúy Nga	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Lớp K74CLC, Khoa Sinh học
76	Đoàn Trần Yến Linh	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Lớp K74CLC, Khoa Sinh học
77	Khuất Quang Khôi	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Lớp K74CLC, Khoa Hóa học
78	Nghiêm Thị Nhân Đức	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Lớp K73, Khoa Vật lí
79	Nguyễn Trung Hiếu	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Lớp K74CLC, Khoa Sinh học
80	Phạm Thị Hải Yến	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Lớp K73, Khoa Sinh học
81	Hoàng Thị Vinh Hoa	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Lớp K50A, Sư phạm Toán học dạy học bằng tiếng Anh, Khoa Toán
82	Nguyễn Phương Thảo	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Lớp K50B, Sư phạm Toán học dạy học bằng Tiếng Anh, Khoa Toán
83	Trần Tuấn Anh	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Lớp K50, Sư phạm Vật lý - Khoa Vật lý
84	Trịnh Nguyệt Minh	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Lớp K49, Sư phạm Sinh học
85	Bùi Hà Anh	Học viện Quân Y	Lớp DH54A, Hệ 4
86	Bùi Việt Hà	Học viện Quân Y	Lớp DH54C, Hệ 4
87	Cao Đắc Thắng	Học viện Quân Y	Lớp DH57A, Hệ 2
88	Đặng Hoàng Tú	Học viện Quân Y	Lớp DH57A, Hệ 2
89	Đồng Thế Long	Học viện Quân Y	Lớp DH54A, Hệ 4
90	Lê Thị Trà My	Học viện Quân Y	Lớp DH57B, Hệ 2
91	Lê Văn Kiên	Học viện Quân Y	Lớp DH55C, Hệ 2
92	Nguyễn Đức Sơn	Học viện Quân Y	Lớp DH58B Dược 15, Hệ 4

STT	Họ và Tên	Trường Đại học/Học viện	Ngành học/Lớp học
93	Trần Kim Liên	Học viện Quân Y	Lớp DH54D, Hệ 4,
94	Trần Quý Giang	Học viện Quân Y	Lớp DH56D, Hệ 4
95	Nguyễn Hồng Nhung	Học viện Kỹ thuật Quân Sự	Lớp An ninh hệ thống thông tin 59(CLC)/Viện CNTT&TT
96	Nguyễn Nguyên Long	Học viện Kỹ thuật Quân Sự	Lớp Công nghệ vật liệu, Khoa Cơ khí
97	Nguyễn Thị Khánh Huyền	Học viện Kỹ thuật Quân Sự	Lớp Thông tin/ Khoa Vô tuyến điện tử
98	Trần Sơn Hoàng	Học viện Kỹ thuật Quân Sự	Lớp Công Nghệ Vật liệu
99	Nguyễn Đình Ký	Trường Đại học Y Hà Nội	Y5YK3
100	Tô Thị Bạch Dương	Trường Đại học Y Hà Nội	Y5RHM
101	Trần Anh Tuấn	Trường Đại học Y Hà Nội	Y6RHM
102	Trần Lưu Đông A	Trường Đại học Y Hà Nội	Y5RHM
103	Nguyễn Sĩ Hiếu	Trường Đại học Y Hà Nội	Y2YK4
104	Vũ Đức Vinh	Trường Đại học Y Hà Nội	Y6YK4
105	Nguyễn Tiến Lộc	Trường Đại học Y Hà Nội	Y2YK4
106	Nguyễn Gia Hào	Trường Đại học Y Hà Nội	Y3YK2
107	Trần Tuấn Hưng	Trường Đại học Y Hà Nội	Y3YK3
108	Hoàng Huy Anh	Trường Đại học Y Hà Nội	Y4YK4
109	Hoàng Thị Xuân Hoài	Trường Đại học Tây Bắc	K63 - ĐH BVTV
110	Nguyễn Ngọc Huyền	Trường Đại học Tây Bắc	K65 - ĐHSP Toán Học
111	Mai Song Huỳnh	Trường Đại học Tây Bắc	K65 - ĐHSP Hoá Học
112	Nguyễn Đỗ Lan Hương	Trường Đại học Tây Bắc	K65 - ĐHSP Toán Học
113	Đinh Thị Ánh Tuyết	Trường Đại học Tây Bắc	K65 - ĐHSP Vật Lý
114	Dương Thu Hằng	Trường Đại học Tây Bắc	K65 - ĐHSP Sinh Học
115	Lò Văn Hưng	Trường Đại học Tây Bắc	K63 - ĐH QLTNR
116	Nguyễn Thị Huyền Thương	Trường Đại học Tây Bắc	K64 - ĐHSP Vật Lý

STT	Họ và Tên	Trường Đại học/Học viện	Ngành học/Lớp học
117	Lò Thị Tiên	Trường Đại học Tây Bắc	K64 - ĐHSP Hoá Học
118	Lầu A Sơn	Trường Đại học Tây Bắc	K63 - ĐH Lâm Sinh
119	Phùng Thế Tài	Đại học Thái Nguyên	Lớp 59TDH-DHDN.01, Khoa Điện, Trường Đại Học Kỹ Thuật Công Nghiệp
120	Tạ Huy Hiếu	Đại học Thái Nguyên	Lớp ĐTVT K23A, Khoa Kỹ Thuật Và Công Nghệ, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông
121	Lò A Dê	Đại học Thái Nguyên	Lớp ĐHQLTNMTK8, Khoa Nông Nghiệp và Môi Trường, Trường Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai
122	Phạm Hải Yến	Đại học Thái Nguyên	Lớp SP Vật lý K58, Khoa Vật lý, Trường Đại học Sư phạm
123	Đặng Hồng Anh	Đại học Thái Nguyên	Lớp K54 CNTP, Viện CNSH - CNTP, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên
124	Nguyễn Hiền Phồn	Đại học Thái Nguyên	Lớp Vật lý A, K22, Trường đại học Khoa Học
125	Phạm Quang Khải	Đại học Thái Nguyên	Lớp, K12 Quản lý Môi trường và Bền vững (EMS K12)
126	Trương Thị Bích Diệp	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Lớp ĐH K19, Hệ thống thông tin

Danh sách này bao gồm 126 sinh viên.